

# S-SERIES SERVER CABINET

## TỦ CHỨA MÁY CHỦ DÒNG S



### ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN

- Khung tủ NonaEdge™ gấp nhiều cạnh, tăng cao khả năng chịu lực và chống vặn xoắn.
- Kết cấu Modular-grid từng thành phần kết nối đa điểm, giúp kết cấu tủ vững chắc nhưng vẫn dễ dàng tùy biến, tháo lắp và di chuyển.
- Cửa trước được thiết kế nguyên cánh với mặt cong hình vòm, được đục lỗ dạng lưới và tăng cường thêm 2 gân V trên suốt chiều cao của bề mặt cửa tạo tính thẩm mỹ và tăng độ cứng cáp của cửa.
- Cửa sau gồm hai cánh mở sang hai bên giúp giảm không gian yêu cầu để lắp đặt và thao tác phía sau tủ.
- Các thanh treo thiết bị được thiết kế đặc biệt, chịu lực cao, dễ dàng di chuyển với thước cạnh được trang bị sẵn trên các thanh dầm để tùy chỉnh nhanh độ sâu phù hợp với thiết bị, nhiều tùy chọn lắp đặt phụ kiện hỗ trợ cho việc quản lý cáp và thiết bị trong tủ được tối ưu hơn. Ngoài ra, từng U còn được dập các chỉ số theo thứ tự và dấu mép giúp nhanh chóng nhận diện và lắp đặt thiết bị đúng vị trí.
- Tích hợp sẵn giá treo thanh phân phối nguồn điện (PDU) và cố định cáp ở phía sau tủ, thuận tiện cho việc cung cấp nguồn điện cho thiết bị mà không cần phải tốn thêm U nào của tủ, giúp tăng thêm mật độ thiết bị.
- Cửa trước và sau được đục lỗ lục giác tạo lưới với độ thông thoáng thực theo công thức chuẩn đạt trên 86% (tùy chọn).
- Nắp hông được thiết kế thành hai phần trên dưới như nhau (tủ cao trên 27U), được trang bị sẵn một ổ khóa ở giữa và hai chốt cài ở hai bên, bên trong được tăng cường thêm một tay nắm dài giúp quá trình tháo lắp và di chuyển thuận tiện và dễ dàng hơn.
- Đường cáp vào được bố trí sẵn ở cả nóc và đáy tủ với thiết kế thuận tiện và thẩm mỹ. Các tấm che lỗ cáp dễ dàng tháo lắp, và tái sử dụng được khi cần. Đặc biệt là các tấm che ở đáy tủ có thể trượt lên nhau, giúp dễ dàng tùy chỉnh kích thước lỗ cáp theo nhu cầu thực tế.
- Nóc tủ thiết kế hai mảnh (loại sâu từ 800 mm), bố trí sẵn các lỗ xuống cáp thuận tiện cho việc lắp đặt phụ kiện hỗ trợ các giải pháp làm mát khác nhau. Mặc định, nóc tủ được trang bị sẵn hai quạt hút tạo luồng khí định hướng giúp các thiết bị tản nhiệt tốt hơn.
- Đối với tủ ngang 800 mm, hông tủ được thiết kế thêm không gian để tổ chức cáp mặt độ cao hoặc lắp thêm thiết bị khi cần. Đặc biệt là khả năng tùy chỉnh kích thước khung treo thiết bị của tủ để tương thích với các thiết bị có kích thước 19", 21", 23" hoặc 24".
- Bánh xe được thiết kế thấp, bề mặt rộng, giúp di chuyển êm ái và chịu tải cao. Chân đế vận được tích hợp sẵn dùng để cố định căn chỉnh tủ.
- Dây tiếp đất nối toàn bộ khung tủ với các cửa trước và cửa sau.



Kết cấu modular-grid kết nối đa điểm



Tải trọng 1.600 kg (trên chân đế)



Tùy chọn cửa lưới thông thoáng 86%



Đơn vị (U) đặt số và đập dấu mép



Toàn bộ cửa có khóa dùng chung chia



Cửa vòm chân gân V mỹ thuật



Cạnh viền cực mỏng và thanh dầm ẩn



Thước cạnh thanh treo thiết bị



Nắp hông trên dưới có tay nắm

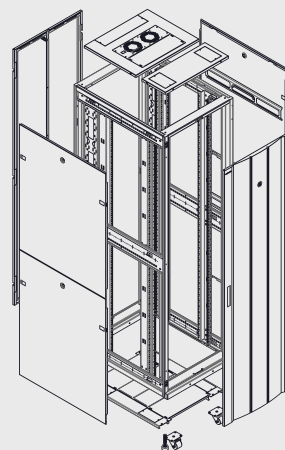


Nóc tủ thiết kế hai mảnh rời nhau

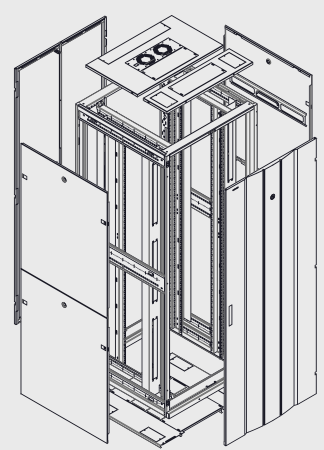
### GIẢI PHÁP TỐI ƯU CHO TRUNG TÂM DỮ LIỆU

Kết cấu khung vững chắc nhưng lại dễ dàng tùy biến, tháo lắp và di chuyển. Tải trọng tủ lên tới 1.600 kg cho phép lắp đặt thiết bị mật độ cao bên trong tủ, hệ thống cửa lưới với độ thông thoáng lên tới 86% giúp các thiết bị hoạt động hiệu quả.

Dãy sản phẩm rộng với đầy đủ các tùy chọn về chiều cao, chiều ngang và chiều sâu tủ giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn được sản phẩm phù hợp nhất với nhu cầu của mình. Hệ thống phụ kiện lắp đặt đa dạng về chủng loại và kích thước giúp cho việc lắp đặt và tổ chức hệ thống dễ dàng hơn bao giờ hết



TỦ NGANG 600MM



TỦ NGANG 800MM

# THÔNG TIN KỸ THUẬT

Tủ chứa máy chủ S-Series được sản xuất theo tiêu chuẩn rack 19-inch mới nhất hiện hành của Hoa Kỳ EIA-310-E (tên khác là ECIA-310-E), tương thích hoàn toàn với các tiêu chuẩn phổ biến ở các khu vực khác như IEC-60297-3-100 hoặc DIN 41494. Kích thước tủ, khoảng cách giữa các thanh treo thiết bị, kích thước và khoảng cách giữa các lỗ treo thiết bị đều được chuẩn hóa, bảo đảm tương thích hoàn toàn với các thiết bị treo rack chuẩn 19-inch.

## KÍCH THƯỚC

- Chiều cao: 15U đến 48U.
- Chiều rộng: 600 và 800 (mm).
- Chiều sâu: 600 đến 1200 (mm).

## MÀU SƠN

- Màu mặc định: Đen (RAL 9005).
- Màu tùy chọn khác: Xám trắng (RAL 7035)\*.

## VẬT LIỆU

- Thép tấm cán nguội SPCC
- Khung tủ: 2,0 mm.
  - Thanh treo thiết bị: 2,0 mm.
  - Các bộ phận khác: 1,0 đến 2,0 mm.

## KÍCH THƯỚC ĐƠN VỊ (U) THEO EIA-310-E

- Chiều cao 1U: 44,5 mm (1,75").
- Chiều rộng: 483,4 mm (19"), Lên đến 610,4 mm (24") cho tủ ngang 800 mm.

## TẢI TRỌNG

- Cố định trên chân đế: 1.600 Kg.
- Di chuyển trên bánh xe: 1.400 Kg

## TIÊU CHUẨN

- EIA-310-E (ECIA-310-E), Type A.
- DIN 41494.
- BS5954 Part 2.
- IEC 60297-1, IEC 60297-2.

## CỬA TỦ

- Cửa trước: nguyên cánh dạng lưới mặt cong hình vòm có gân.
- Cửa sau: Hai cánh dạng lưới mặt phẳng.
- Kiểu đột lỗ tạo lưới: Lỗ lục giác lệch tâm 60°, độ thông thoáng 72% hoặc tùy chọn độ thông thoáng 86%\*.
- Khóa cửa trước và cửa sau: Ổ khóa tay nắm phẳng.
- Khóa cửa hông: Ổ khóa tròn, các khóa sử dụng chung một chìa.

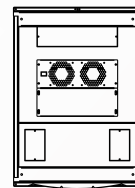
## NÓC VÀ ĐÁY TỦ

- Nóc tủ được thiết kế hai mảnh (loại sâu từ 800 mm), trang bị sẵn hai quạt tản nhiệt 230 V, 50 Hz, 300 CFM.
- Đáy tủ có bánh xe và chân đế, được bố trí sẵn các lỗ lên cáp có nắp che, và tùy chọn gắn thêm quạt để tạo luồng khí định hướng mạnh hơn.
- Kích thước lỗ cáp: 96 x 148 mm; 380 x 96 mm; 548 x 96 mm (tủ ngang 800 mm)
- Kích thước khung quạt: 346 x 134 mm.

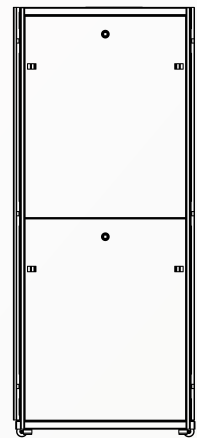
## KHÔNG GIAN SỬ DỤNG

- Khoảng cách di chuyển tối đa giữa hai thanh treo thiết bị: 1.065 mm (tủ sâu 1.200 mm)
- Độ mở tối đa của cửa: 180°

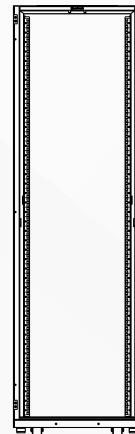
\*Thông tin yêu cầu khi đặt hàng



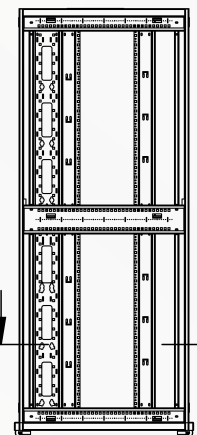
NÓC TỦ



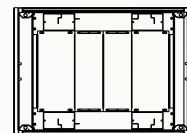
MẶT HÔNG



MẶT TRƯỚC (KHÔNG CỬA)



MẶT HÔNG (KHÔNG CỬA)



MẶT CẮT ĐÁY TỦ A-A

# THÔNG TIN ĐẶT HÀNG & KÍCH THƯỚC

|                      | CHIỀU SÂU (mm) |          |              | 15U        | 20U        | 27U        | 36U        | 42U        | 45U        | 46U        | 48U        |
|----------------------|----------------|----------|--------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|                      | KHUNG (D)      | TỔNG (S) | KHẢ DỤNG (U) |            |            |            |            |            |            |            |            |
| TỦ NGANG 600mm       | 600            | 655      | 471          | VRS15-660  | VRS20-660  | VRS27-660  | VRS36-660  | VRS42-660  | VRS45-660  | VRS46-660  | VRS48-660  |
|                      | 800            | 855      | 669          | VRS15-680  | VRS20-680  | VRS27-680  | VRS36-680  | VRS42-680  | VRS45-680  | VRS46-680  | VRS48-680  |
|                      | 1.000          | 1.055    | 867          | VRS15-6100 | VRS20-6100 | VRS27-6100 | VRS36-6100 | VRS42-6100 | VRS45-6100 | VRS46-6100 | VRS48-6100 |
|                      | 1.100          | 1.155    | 957          | VRS15-6110 | VRS20-6110 | VRS27-6110 | VRS36-6110 | VRS42-6110 | VRS45-6110 | VRS46-6110 | VRS48-6110 |
|                      | 1.200          | 1.255    | 1.065        | VRS15-6120 | VRS20-6120 | VRS27-6120 | VRS36-6120 | VRS42-6120 | VRS45-6120 | VRS46-6120 | VRS48-6120 |
| TỦ NGANG 800mm       | 600            | 655      | 471          | VRS15-860  | VRS20-860  | VRS27-860  | VRS36-860  | VRS42-860  | VRS45-860  | VRS46-860  | VRS48-860  |
|                      | 800            | 855      | 669          | VRS15-880  | VRS20-880  | VRS27-880  | VRS36-880  | VRS42-880  | VRS45-880  | VRS46-880  | VRS48-880  |
|                      | 1.000          | 1.055    | 867          | VRS15-8100 | VRS20-8100 | VRS27-8100 | VRS36-8100 | VRS42-8100 | VRS45-8100 | VRS46-8100 | VRS48-8100 |
|                      | 1.100          | 1.155    | 957          | VRS15-8110 | VRS20-8110 | VRS27-8110 | VRS36-8110 | VRS42-8110 | VRS45-8110 | VRS46-8110 | VRS48-8110 |
|                      | 1.200          | 1.255    | 1.065        | VRS15-8120 | VRS20-8120 | VRS27-8120 | VRS36-8120 | VRS42-8120 | VRS45-8120 | VRS46-8120 | VRS48-8120 |
| CHIỀU CAO KHUNG (mm) |                |          |              | 786        | 1.008      | 1.320      | 1.720      | 1.986      | 2.120      | 2.164      | 2.253      |
| CHIỀU CAO TỔNG (mm)  |                |          |              | 822        | 1.044      | 1.356      | 1.756      | 2.022      | 2.155      | 2.200      | 2.289      |

\*Thông số có thể thay đổi mà không cần thông báo trước